

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TN
TỈNH TN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N1
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 161/2019/HSST
Ngày 24/4/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N1**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Ninh

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Huyền Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thanh Huyền - Kiểm sát V1.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 108/2019/HSST ngày 27/02/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2019/QĐXXST-HS ngày 27/3/2019 đối với :

Bị cáo: **Lăng Thị H**, sinh ngày 21/11/1990.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn B, xã N, huyện S, tỉnh BK. Quốc tịch: Việt N1; dân tộc: Nùng; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Tự do. Con ông Lăng Hoàng HP, sinh năm 1963, con bà Vi Thị D, sinh năm 1962. Gia đình có 3 anh em, bị cáo là con thứ 2. Có chồng là Hoàng Văn N, sinh năm 1988 (đã ly hôn), có 01 con, sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: 02

- Tại bản án số 03/2019/HSPT ngày 17/01/2019 Tòa án nhân dân tỉnh BK xử phạt 6 tháng tù giam, về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

- Tại bản án số 02/2019/HSST ngày 27/02/2019 Tòa án nhân dân thành phố BK, tỉnh BK xử phạt bị cáo 08 (tám) tháng tù giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng Điều 51 BLHS năm 1999 tổng hợp với bản án số 02/2019/HSPT, ngày 17/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh BK xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai bản án là 14 (mười bốn) tháng tù giam.

Bị cáo hiện đang chấp hành bản án tại K2, Đồi 25 Trại giam Phú Sơn 4, Cục 10, Bộ Công an từ ngày 04/3/2019. Có mặt tại phiên tòa

Bị hại: Anh Nguyễn Hoài N1, sinh năm 1987. Trú tại tổ 6, phường PĐP, thành phố TN. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lăng Thị H nợ tiền của nhiều người và không có khả năng trả nợ. Khoảng tháng 5/2017, H thường xuyên nói chuyện về việc vay nợ của mình với chị Hoàng Thị T1 (sinh năm 1991; HKTT: xóm Tân Sơn, xã CD, huyện VN, tỉnh TN, là bạn cùng học Trường Cao đẳng y tế TN với H và đang công tác tại Trạm y tế xã PT, huyện VN, tỉnh TN). Trong thời gian này, T1 có quen biết và vay tiền của anh Nguyễn Hoài N1 (sinh năm 1987; HKTT tổ 06, phường PĐP, thành phố TN) là chủ quầy cầm đồ T4 242 thuộc tổ 8, phường PĐP, thành phố TN nên T1 nói với H sẽ giúp H làm các giấy tờ để làm tin vay tiền của anh N1 cho H lấy tiền trả nợ. Đến khoảng 10 giờ ngày 15/5/2017, H cùng T1 đi đến quán cầm đồ của anh N1. Trên đường đi, T1 đưa cho H 01 Quyết định nâng bậc lương thường xuyên cho V1 chức Quý I năm 2017 và 01 bảng thanh toán tiền lương của Trạm y tế xã PT, huyện VN, tỉnh TN (đều mang tên Lăng Thị H), 02 giấy tờ trên đều có chữ ký của ông Lý Văn V1 - Trạm trưởng trạm y tế xã PT, huyện VN, tỉnh TN và có đóng dấu của Trạm y tế xã PT, huyện VN, tỉnh TN. Lúc này, T1 nói với H khi đến gặp anh N1 phải nói dối là H đang là cán bộ của Trạm y tế xã PT, huyện VN, tỉnh TN. H xem và biết 02 giấy tờ trên là giả nhưng vì muốn vay được tiền của anh N1 nên đồng ý làm theo lời T1. Như đã bàn bạc từ trước, khi đến quán cầm đồ của anh N1, T1 giới thiệu với anh N1, H là đồng nghiệp làm cùng cơ quan với T1 và muốn vay tiền. Lúc này, H cũng nói dối và đưa ra 02 giấy tờ giả cho anh N1 xem nhằm làm cho anh N1 tin tưởng, H để anh N1 cho H vay số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). H viết giấy vay tiền cho anh N1 để làm tin ghi ngày 15/5/2017. Sau khi cầm giấy tờ giả và nghe H cùng T1 nói, anh N1 tin là thật nên đã đồng ý và đưa cho H vay số tiền 40.000.000 đồng, H đưa cho T1 6.000.000 đồng, số tiền còn lại 34.000.000 đồng H cầm mang đi trả nợ hết. Sau khi cho H vay tiền (theo anh N1 khai: Hẹn H sau 03 tháng phải hoàn trả số tiền trên) do không thấy H quay lại trả tiền, anh N1 gọi điện thoại cho H không liên lạc được, anh N1 đã đến Trạm y tế xã PT, huyện VN, tỉnh TN tìm không có ai tên là Lăng Thị H.

Ngày 16/7/2018 anh Nguyễn Hoài N1 đã làm đơn trình báo Công an thành phố TN đề nghị giải quyết.

Tại bản Kết luận giám định số 968/KL - PC09 ngày 18/8/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh TN, kết luận:

1. Hình dấu có nội dung “TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN VN T. TN * TRẠM Y TẾ XÃ PT” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2) so với hình dấu có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1) do cùng một con dấu đóng ra.

2. Chữ ký mang tên Lý Văn V1 trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2) so với chữ ký của Lý Văn V1 trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1) không phải do cùng một người ký ra.

3. Chữ ký mang tên Hoàng Quốc Đ trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) so với chữ ký của Hoàng Quốc Đ trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M2) không phải do cùng một người ký ra.

Tại Cơ quan điều tra Lăng Thị H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nêu trên phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án như: Đơn trình báo, biên bản tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, lời khai của người bị hại, kết luận giám định. Lăng Thị H khẳng định khi vay tiền của anh N1 H đã nợ nần nhiều người và không có khả năng trả nợ nhưng vẫn dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của anh N1.

Vật chứng của vụ án: Số tiền 40.000.000 đồng. Hiện H đã trả cho anh N1 số tiền 28.000.000 đồng vào tháng 9/2018, số tiền còn lại 12.000.000 đồng anh N1 không yêu cầu H phải bồi thường.

- 01 giấy vay tiền; 01 giấy phép lái xe; 01 Quyết định nâng bậc lương thường xuyên cho V1 chức Quý I năm 2017; 01 bảng thanh toán tiền lương của Trạm y tế xã PT, huyện VN, tỉnh TN (đều mang tên Lăng Thị H) đều có chữ ký của ông Lý Văn V1, Trạm trưởng trạm y tế xã PT, huyện VN, tỉnh TN và có đóng dấu của Trạm y tế xã PT, huyện VN, tỉnh TN được chuyển theo hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 112/CT-VKSNDTPTN ngày 26/02/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN truy tố bị cáo Lăng Thị H về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng truy tố.

Trong phần luận tội, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN tóm tắt nội dung vụ án, phân tích các căn cứ quy kết bị cáo Lăng thị H về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; đánh giá nhân thân; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lăng Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm b, s khoản 1,2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt Lăng Thị

H từ 12 đến 15 tháng tù giam; Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 tổng hợp hình phạt 14 (mười bốn) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại bản án hình sự sơ thẩm số 02/2019/HSST ngày 27/02/2019 của Tòa án nhân dân thành phố BK, tỉnh BK Buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai bản án từ 26 đến 29 tháng tù giam.

Về trách nhiệm dân sự: Anh N1 không yêu cầu H phải bồi thường nên không đặt ra xem xét.

Vật chứng của vụ án: Số tiền 40.000.000 đồng. Hiện H đã trả cho anh N1 số tiền 28.000.000 đồng vào tháng 9/2018, số tiền còn lại 12.000.000 đồng anh N1 không yêu cầu H phải bồi thường.

- 01 giấy vay tiền; 01 Quyết định nâng bậc lương thường xuyên cho V1 chức Quý I năm 2017; 01 bảng thanh toán tiền lương của Trạm y tế xã PT, huyện VN, tỉnh TN (đều mang tên Lăng Thị H) đều có chữ ký của ông Lý Văn V1, Trạm trưởng trạm y tế xã PT, huyện VN, tỉnh TN và có đóng dấu của Trạm y tế xã PT, huyện VN, tỉnh TN được chuyển theo hồ sơ vụ án.

- 01 giấy phép lái xe số AL 202470 mang tên Lăng Thị H, sinh năm 1990 được chuyển theo hồ sơ vụ án. Đây là giấy tờ cá nhân của bị cáo nên cần trả cho bị cáo quản lý sử dụng.

Trong phần tranh luận, bị cáo không tranh luận thừa nhận việc truy tố, xét xử là không oan, đối với bị cáo là đúng người, đúng tội. Bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm đoàn tụ cùng gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1]. Về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố TN, Điều tra V1, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, Kiểm sát V1 trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã mô tả, bị cáo xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN truy tố là đúng người, đúng tội. Xét thấy lời nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là tự nguyện, khách quan, phù

hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Đơn trình báo, kết luận giám định, lời khai của người bị hại, và những chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định: Do nợ tiền của nhiều người và không có khả năng trả nợ. Khoảng 10 giờ ngày 15/5/2017, tại khu vực tổ 8, phường PDP, thành phố TN. Lãng Thị H đã thực hiện hành vi gian dối để lừa đảo chiếm đoạt của anh Nguyễn Hoài N1 số tiền 40.000.000 đồng. Hiện H đã hoàn trả 28.000.000 đồng cho anh N1, số tiền còn lại 12.000.000 đồng anh N1 không yêu cầu H phải bồi thường. Về trách nhiệm dân sự đã giải quyết xong.

[3]. Đánh giá của Hội đồng xét xử: Bị cáo có hành vi dùng thủ đoạn gian dối như dù không phải là cán bộ của Trạm y tế PT, huyện VN, tỉnh TN nhưng đã cùng với Hoàng Thị T1 (là bạn học với H) sử dụng giấy tờ giả nhằm chiếm đoạt số tiền 40.000.000đ của anh Nguyễn Hoài N1 vào ngày 15/5/2017, hành vi này xảy ra trước khi Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực. Đối chiếu với Nghị quyết số 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 (Luật số 100/2015/QH13) thì mức hình phạt của khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 có mức hình phạt tương đương nhau nên vụ án được xét xử theo quy định tại Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999. Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

Nội dung Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.”

[4]. Xét tính chất, mức độ, hành vi của bị cáo: Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo xâm phạm trực tiếp đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Do vậy, cần có mức án nghiêm minh, tương xứng với hành vi bị cáo đã gây ra để có đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5]. Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân rất xấu như: Tại bản án số 03/2019/HSPT ngày 17/01/2019 Tòa án nhân dân tỉnh BK xử phạt 6 tháng tù giam, về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Tại bản án số 02/2019/HSST ngày 27/02/2019 Tòa án nhân dân thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn xử phạt bị cáo 08 (tám) tháng tù giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng Điều 51 BLHS năm 1999 tổng hợp với bản án số 02/2019/HSPT, ngày 17/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh BK xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt

tài sản”, buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai bản án là 14 (mười bốn) tháng tù giam.

Đối với vụ án này xảy ngày 15/5/2017 đến ngày 16/7/2018 anh Nguyễn Hoài N1 mới làm đơn trình báo Công an thành phố TN, Hội đồng xét xử thấy hành vi của bị cáo được xét xử bản án số bản án số 03/2019/HSPT ngày 17/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh BK và bản án số 02/2019/HSST ngày 27/02/2019 của Tòa án nhân dân thành phố BK, tỉnh BK xảy ra cùng thời điểm với vụ án này do vậy xác định 02 bản án trên là nhân thân đối với bị cáo. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã khắc phục trả cho anh N1 một phần tiền (anh N1 không yêu cầu bị cáo trả số còn lại), anh N1 có đơn xin xét xử vắng mặt và có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Mức hình phạt mà đại diện viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là phù hợp

[6]. Vật chứng của vụ án: Số tiền 40.000.000 đồng H đã trả cho anh N1 28.000.000 đồng vào tháng 9/2018, số tiền còn lại 12.000.000 đồng anh N1 không yêu cầu H phải bồi thường.

- 01 giấy vay tiền; 01 Quyết định nâng bậc lương thường xuyên cho V1 chức quý I năm 2017; 01 bảng thanh toán tiền lương của Trạm y tế xã PT, huyện VN, tỉnh TN (đều mang tên Lăng Thị H) đều có chữ ký của ông Lý Văn V1, Trạm trưởng trạm y tế xã PT, huyện VN, tỉnh TN và có đóng dấu của Trạm y tế xã PT, huyện VN, tỉnh TN đã được chuyển theo hồ sơ vụ án để lưu giữ.

- 01 giấy phép lái xe số AL 202470 mang tên Lăng Thị H, sinh năm 1990 được chuyển theo hồ sơ vụ án. Đây là giấy tờ cá nhân của bị cáo nên cần trả cho bị cáo quản lý sử dụng.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về hình phạt bổ sung và án phí:

- Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính đáng lẽ bị cáo còn phải chấp hành hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai bị cáo đã đi hiến thận, hay ốm đau, không nghề nghiệp, sống phụ thuộc, không có tài sản riêng, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án này còn có Hoàng Thị T1 là người đã đưa H đến quây cầm đồ của anh Nguyễn Hoài N1. Qua xác minh hiện nay T1 không có mặt tại địa phương (Sở y tế tỉnh TN đã có Quyết định thôi việc đối với T1 từ ngày 01/03/2018) nên Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

1. Bị cáo Lăng Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Căn cứ khoản 1 Điều 139 BLHS năm 1999, Nghị quyết số 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 (Luật số 100/2015/QH13); điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: Lăng Thị H 15 (Mười lăm) tháng tù. Tổng hợp với bản án số 02/2019/HSST ngày 27/02/2019 của Tòa án nhân dân thành phố BK xử phạt 14 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai bản án là 29 (hai mươi chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành bản án số 02/2019/HSST ngày 27/02/2019 của Tòa án nhân dân thành phố BK (bị cáo đi chấp hành án ngày 04/3/2019). Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

- Lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 giấy vay tiền; 01 Quyết định nâng bậc lương thường xuyên cho V1 chức Quý I năm 2017; 01 bảng thanh toán tiền lương của Trạm y tế xã PT, huyện VN, tỉnh TN (đều mang tên Lăng Thị H) đều có chữ ký của ông Lý Văn V1, Trạm trưởng trạm y tế xã PT, huyện VN, tỉnh TN và có đóng dấu của Trạm y tế xã PT, huyện VN, tỉnh TN.

- Trả lại cho Lăng Thị H 01 giấy phép lái xe số AL 202470 mang tên Lăng Thị, sinh năm 1990 được chuyển theo hồ sơ vụ án. (Đã trả tại phiên tòa)

2. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thành phố TN;
- Công an thành phố TN;
- Chi cục THADSTPTN;
- Sở tư pháp tỉnh TN.
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu HS; Lưu BP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thu Huệ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thu H

